

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/DSST

Ngày: 16/8/2021

V/v “ *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ama Ka (R Mah In) và ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk:
Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 15/2021/DSST ngày 16 tháng 3 năm 2021, về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 15/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST - DS ngày 19/7/2021, giữa :

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ dân phố B, Thị trấn KK, KB, Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Ông Y Ti Na K N्हông (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Đăk Ju, xã Bông Krang, huyện Lắk, Đắk Lắk

Bị đơn: Trần Thị T , sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ dân phố A, Thị trấn KK, KB, Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Minh T (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Ngọc T (vắng mặt)

Đồng trú tại: Tổ dân phố A, Thị trấn KK, KB, Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 06/9/2019, bà Trần Thị H cho bà Trần Thị T vay số tiền là 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng) , bà Trần Thị T cam kết trả cho bà Trần Thị H mỗi tháng là 15 triệu đồng vào ngày 30 hàng tháng; 12 tháng sau trả một lúc 100 triệu đồng.

Tính đến 30/5/2020, bà Trần Thị T đã trả cho bà Trần Thị H được 09 tháng, mỗi tháng là 15 triệu đồng, tổng số tiền đã trả là 135.000.000 đồng. Số tiền bà Trần Thị T còn nợ bà Trần Thị H tổng cộng là 495.000.000 đồng.

Tính đến ngày 01/3/2021, bà Trần Thị T lẽ ra phải trả cho bà Trần Thị H số tiền là $15.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 18\text{ tháng} = 270.000.000\text{ đồng}$ (tiền trả hàng tháng) + $100.000.000\text{ đồng}$ (trả một lần) = $370.000.000\text{ đồng}$.

Tuy nhiên, bà Trần Thị T chỉ mới trả cho bà Trần Thị H được 135.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H trong hạn là 235.000.000 đồng . Do vậy, bà Trần Thị H yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc đến hạn là 235.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 06/9/2019, hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng do bà Trần Thị T không thực hiện đúng cam kết nên bà Trần Thị H yêu cầu tính lãi số tiền trên với lãi suất là 0,83%/ tháng là $235.000.000\text{ đồng} \times 09\text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 17.554.500\text{ đồng}$.

Tổng tiền gốc và lãi bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị T phải trả tính đến ngày 01/3/2021 là 252.554.500 đồng.

Ngày 23/7/2021, bà Trần Thị H làm đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi. Theo đó, bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị T trả tiền lãi phát sinh là 10.582.000 đồng, cụ thể tiền lãi được tính như sau :

- 30/6/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000\text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09\text{ tháng} = 1.120.500\text{ đồng}$

- 30/7/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000\text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08\text{ tháng} = 996.000\text{ đồng}$

- 30/8/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày

01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 871.500 \text{ đồng}$

- 30/9/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 747.000 \text{ đồng}$

- 30/10/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 622.500 \text{ đồng}$

- 30/11/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 498.000 \text{ đồng}$

- 30/12/2020, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 373.500 \text{ đồng}$

- 30/01/2021, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 249.000 \text{ đồng}$

- 01/3/2021, theo cam kết bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H 15.000.000 đồng nhưng bà Trần Thị T không trả, do vậy tiền lãi tính đến ngày 01/3/2021 là : $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 124.500 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi phát sinh hàng tháng là: 5.602.500 đồng.

Đối với số tiền 100 triệu đồng mà bà Trần Thị T cam kết trả cho bà Trần Thị H sau 12 tháng kể từ ngày 06/9/2019 là đến ngày 06/9/2020. Tuy nhiên, bà Trần Thị T đã không thực hiện đúng cam kết. Do vậy, số tiền này được tính lãi từ ngày quá hạn là ngày 07/9/2020 tạm tính đến ngày khởi kiện là ngày 07/3/2021 là 6 tháng là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 4.980.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng: $5.602.500 + 4.980.000 = 10.582.000 \text{ đồng}$

Đại diện nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc đến hạn (01/3/2021) là 235.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 10.852.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi phát sinh là 245.852.000 đồng.

Trường hợp bà Trần Thị T chết thì con bà Trần Thị T là Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả số nợ này thay cho bà Trần Thị T .

Đối với số tiền này, bà Trần Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T là chồng bà Trần Thị T phải chịu trách nhiệm trả.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2021 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn – Trần Thị T trình bày : Vào năm 2016, tôi có vay cô Trần Thị H số tiền 450 triệu đồng, tôi đã trả cho cô Trần Thị H rất nhiều tiền lãi nhưng gần đây do làm ăn thua lỗ nên tôi đã không trả được tiền lãi cho cô Trần Thị H . Đến năm 2019 thì cô Trần Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk, tôi và cô Trần Thị H tính cả gốc và lãi tổng cộng tôi nợ cô Trần Thị H 630 triệu đồng, tôi viết giấy nhận nợ và hẹn với cô Trần Thị H trả mỗi tháng là 15 triệu đồng vào ngày 30 hàng tháng; 12 tháng sau trả một lúc 100 triệu đồng. Sau đó, cô Trần Thị H rút đơn khởi kiện.

Tuy vậy, cho đến nay tôi chỉ mới trả cho cô Trần Thị H được 09 tháng, với số tiền là 135 triệu đồng. Nay cô Trần Thị H khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền còn nợ của 09 tháng trả góp, tính đến ngày 01/3/2021, với số tiền là 135.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng trả 01 lần. Tổng số tiền gốc là 235.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Ngay từ đầu cô Trần Thị H đã không yêu cầu tôi trả lãi vì đã cộng lãi dồn vào gốc. Do vậy, nay cô Trần Thị H yêu cầu tôi trả lãi, tôi không đồng ý.

Về án phí: Tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại bản tự khai ngày 26/3/2021, chị Nguyễn Minh T trình bày: Việc mẹ tôi là Trần Thị T vay mượn tiền với cô Trần Thị H như thế nào, tôi không biết nhưng vào ngày 06/9/2019, mẹ tôi đã viết giấy vay tiền của cô Trần Thị H với số tiền là 630 triệu đồng, mẹ tôi hứa trả cho cô Trần Thị H mỗi tháng 15 triệu đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng, 12 tháng sau trả một lần số tiền là 100 triệu đồng. Trong thời gian trả nợ nếu mẹ tôi chết thì tôi sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho cô Trần Thị H .

Nhưng hiện nay mẹ tôi còn sống do vậy chưa phát sinh trách nhiệm trả nợ của tôi với cô Trần Thị H .

Tại bản tự khai ngày 26/3/2021, ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Việc bà Trần Thị T là vợ tôi có vay mượn tiền của bà Trần Thị H bao nhiêu tiền và vay tiền về làm gì tôi không biết. Do vậy, vợ tôi tự quyết định tôi không liên quan đến khoản nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã triệu tập bà Trần Thị T (bị đơn); ông Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Minh T (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đến tham dự phiên tòa nhưng họ đã vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đây là lần thứ hai phiên tòa được mở. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Đối với số tiền nợ và thời hạn thanh toán: Vào ngày 06/9/2019, bà Trần Thị H cho bà Trần Thị T vay số tiền là 630.000.000 đồng, bà Trần Thị T cam kết trả mỗi tháng là 15 triệu đồng vào ngày 30 hàng tháng; 12 tháng sau trả một lúc 100 triệu đồng.

Đến 30/5/2020, bà Trần Thị T đã trả cho bà Trần Thị H được 9 tháng là 135.000.000 đồng. Số tiền bà Trần Thị T còn nợ bà Trần Thị H tổng cộng là 495.000.000 đồng.

Tính đến ngày 01/3/2021, bà Trần Thị T lẽ ra phải trả cho bà Trần Thị H số tiền là 370.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Trần Thị T chỉ mới trả cho bà Trần Thị H được 135.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H là 235.000.000 đồng đến hạn.

Về tiền lãi: Mặc dù, trong giấy nhận nợ không ghi lãi suất phát sinh nhưng do bà Trần Thị T không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà Trần Thị H yêu cầu tính lãi với số tiền lãi phát sinh là 10.582.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà Trần Thị T (bị đơn); ông Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Minh T (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Việc bà Trần Thị T , ông Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ

quyền được tham gia tố tụng tại phiên tòa. Đây là lần thứ hai phiên tòa được mở. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với số tiền nợ và thời hạn thanh toán: Vào ngày 06/9/2019, bà Trần Thị H cho bà Trần Thị T vay số tiền là 630.000.000 đồng, bà Trần Thị T cam kết trả mỗi tháng là 15 triệu đồng vào ngày 30 hàng tháng; 12 tháng sau trả một lúc 100 triệu đồng.

Đến 30/5/2020, bà Trần Thị T đã trả cho bà Trần Thị H được 9 tháng với số tiền là 135.000.000 đồng. Số tiền bà Trần Thị T còn nợ bà Trần Thị H tổng cộng là 495.000.000 đồng.

Tính đến ngày 01/3/2021, bà Trần Thị T lẽ ra phải trả cho bà Trần Thị H số tiền là $15.000.000\text{đ/ tháng} \times 18 \text{ tháng} = 270.000.000 \text{ đồng}$ (tiền trả hàng tháng) + $100.000.000 \text{ đồng}$ (trả một lần) = $370.000.000 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, bà Trần Thị T chỉ mới trả cho bà Trần Thị H được 135.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị H là còn 235.000.000 đồng. Việc bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả số tiền nợ đến hạn là 235.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H thay cho bà Trần Thị T khi bà Trần Thị T chết, thấy rằng đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T là chồng của bà Trần Thị T trả nợ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cũng cần chấp nhận.

Về tiền lãi: Mặc dù, trong giấy nhận nợ không ghi lãi suất phát sinh nhưng do bà Trần Thị T không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà Trần Thị H yêu cầu tính lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ với lãi suất là 0,83%/ tháng là 10.582.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Do vậy, buộc bị đơn phải nộp số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là $245.582.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.279.100 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền là 235.000.000 đồng tiền nợ gốc và 10.582.000 đồng tiền lãi phát sinh (tạm tính lãi đến ngày 01/3/2021 đối với số tiền 135.000.000 đồng gốc và tạm tính lãi đến ngày 07/3/2021 đối với số tiền 100.000.000 đồng gốc). Tổng cộng là: 245.582.000 đồng (*hai trăm bốn lăm triệu năm trăm tám hai ngàn đồng*) .

Trường hợp bà Trần Thị T chết thì con gái là Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền này .

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu trách nhiệm nộp án phí Dân sự sơ thẩm là 12.279.100 đồng.

Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 6.313.000 đồng (*sáu triệu ba trăm mười ba ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006877 ngày 16/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

<ul style="list-style-type: none"> - <i>Đương sự</i> - <i>VKSND huyện Krông Bông</i> - <i>THADS huyện</i> - <i>Lưu</i> 	<p style="text-align: center;">Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa</p> <p style="text-align: center;">Trương Thị Huế</p>
--	--